

Bản án số: 21/2022/HS-ST

Ngày: 29 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Biền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2022/HSST ngày 04 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn C - Sinh năm 1997 tại xã Nam Điền, huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm 6, xã Nam Điền, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; giới tính: Nam; con ông: Phạm Văn Quán, sinh năm 1975 và bà Trần Thị Mừng, sinh năm 1978. Hiện cả 2 đang cư trú tại Xóm 6, Nam Điền, N, Nam Định; vợ: Trần Thị Thùy Dung, sinh năm: 1998, hiện cư trú tại Xóm 6, Nam Điền, N, Nam Định; con: có 01 con, sinh năm: 2018; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 29/4/2020, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 1 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 29/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt Phạm Văn C 9 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 05/5/2021, C chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 26/6/2020, C nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; Nhân thân: Ngày 29/12/2017, bị Đoàn Công an Rạng Đông - Công an huyện N xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi: “Đánh bạc”. Bị cáo Phạm Văn C bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 31/12/2021

đến ngày 06/01/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C là ông Nguyễn Hoài Thanh, trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định; vắng mặt.

** Người bị hại:* Ông Trần Văn Hùng - Sinh năm: 1964;

Nơi cư trú: Đội 1 Ngọc Lâm, xã Nghĩa Hải, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

** Người liên quan:*

1. Chị Phạm Thị Cúc – Sinh năm: 2001;

Nơi cư trú: Xóm 10, xã Nam Điền, huyện N, tỉnh Nam Định; có mặt.

2. Bà Vũ Thị Hiền – Sinh năm: 1970;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn Rạng Đông, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Viện Kiểm Sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về hành vi phạm tội: Tối ngày 29/12/2021, Phạm Văn C nảy sinh ý định vào nhà ông Trần Văn Hùng, sinh năm 1964, ở đội 1, Ngọc Lâm, Nghĩa Hải, N, Nam Định (C có mối quan hệ họ hàng với ông Hùng) để trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ sáng ngày 30/12/2021, C đi bộ đến nhà ông Hùng, mang theo 2 thanh sắt, mỗi thanh dài khoảng 60 cm, trong đó có 1 thanh được đập dẹt đầu. Thấy không có ai ở nhà, C trèo qua hàng rào, tháo ô cửa thoáng gian bếp, đi vào trong bếp rồi dùng 2 thanh sắt phá kính, mở chốt cửa rồi đi vào trong phòng ngủ. Thấy có 1 két sắt kê ở đầu giường, C dùng 2 thanh sắt để cạy, phá cửa két sắt nhưng không được, C xuống bếp lấy 1 con dao thái màu trắng cạy, mở được cửa két sắt, lấy đi số tài sản gồm: 1 nhẫn kim loại màu vàng, mặt vuông và 01 dây chuyền kim loại màu vàng đựng trong 1 hộp giấy màu đỏ kích thước 4x4x2,5 cm; 05 nhẫn kim loại màu vàng, loại tròn trơn đựng trong 5 vỉ nhựa, 2 chiếc khuyên tai bằng kim loại màu vàng rồi trèo ra ngoài theo lối đã vào, đi về nhà, trên đường đi C vứt 2 thanh sắt và 5 vỉ nhựa xuống sông không rõ ở vị trí, khu vực nào. Sáng ngày 30/12/2021, C nhờ em gái là Phạm Thị Cúc, sinh năm 2001, bán hộ 4 nhẫn vàng tròn trơn. Cúc đem số vàng trên đến cửa hàng vàng bạc Đình Khiết, do chị Vũ Thị Hiền, sinh năm 1970, ở tổ dân phố 4, thị trấn Rạng Đông, N là chủ cửa hàng được 19.820.000 đồng, C sử dụng chi tiêu cá nhân hết rồi mang theo số vàng còn lại lên tàu cá của anh Lại Văn Chung, sinh năm 1984, ở đội 1, Ngọc Lâm, Nghĩa Hải, N đi làm. Ngày 30/12/2021, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường tại nhà ở của ông Trần Văn Hùng tại đội 1, Ngọc Lâm, Nghĩa

Hải, N, Nam Định, thu giữ 1 con dao thái màu trắng, dài 33 cm. Ngày 31/12/2021, Cơ quan điều tra thu giữ của C 1 nhẫn kim loại màu vàng, mặt vuông, trên mặt có 2 kí tự chữ Trung Quốc, phía sau mặt nhẫn có ghi các kí tự: “5C”, “24K”, “KT” và 01 dây chuyền kim loại màu vàng được kết nối bởi các mắt xích giống nhau, phần khuy cài có kí tự: “24K”, “5” đựng trong 1 hộp giấy màu đỏ, kích thước 4x4x2,5 cm; 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại tròn trơn trong đó có 1 nhẫn bên trong có ghi các kí hiệu: “ĐÌNH CHIẾN”, “1C”, “23K”, “VÀNG LOẠI 3” và 2 chiếc khuyên tai bằng kim loại màu vàng. Thu giữ của chị Vũ Thị Hiền 4 nhẫn tròn trơn, màu vàng, bên trong mỗi nhẫn đều khắc kí tự: “KIM THÚY 23K 1C”.

Tại bản kết luận giám định số 80/C09-P4 ngày 13/01/2022 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: 01 nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn được chế tác dạng mặt vuông có khối lượng 18,74 gam là vàng (Au), hàm lượng Au: 99,64%; 01 dây chuyền kim loại màu vàng được chế tác dạng các mắt xích nối với nhau, có móc khóa có tổng khối lượng 18,77 gam là vàng (Au); hàm lượng Au trung bình: 99,66%; 01 nhẫn kim loại màu vàng được chế tác dạng tròn trơn, mặt trong của nhẫn có chữ và số: “ĐÌNH CHIẾN 1C 23K VÀNG LOẠI 3” có khối lượng 3,75 gam là vàng (Au); hàm lượng Au: 96,37%. Ngoài ra còn có bạc (Ag), đồng (Cu); hàm lượng Ag: 3,43%; Cu: 0,20%; 02 chiếc khuyên tai kim loại màu vàng được chế tác dạng hình tròn hở, mặt ngoài của mỗi chiếc khuyên tai đều có hoa văn có tổng khối lượng 1,5 gam đều là hợp kim của vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 45,33%; Ag: 12,96%; Cu: 40,00%, Zn: 1,71%; 04 chiếc nhẫn kim loại màu vàng được chế tác dạng hình tròn trơn, bên trong mỗi chiếc đều có chữ và số “23K 1C” có tổng khối lượng 15,00 gam đều là vàng (Au), hàm lượng trung bình Au: 96,31%. Ngoài ra còn có bạc (Ag), đồng (Cu); hàm lượng trung bình Ag: 3,56%, Cu: 0,13%.

Tại bản kết luận số 03/HĐ-ĐGTS ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện N, kết luận: Giá trị 01 nhẫn kim loại màu vàng, khối lượng 18,74 gam vàng, hàm lượng vàng 99,64% là 26.542.600 đồng; giá trị của 01 dây chuyền kim loại màu vàng, khối lượng 18,77 gam vàng, hàm lượng vàng 99,66% là 26.590.400 đồng; giá trị của 01 nhẫn kim loại màu vàng, khối lượng 3,75 gam vàng, hàm lượng vàng 96,37%, bạc 3,43%, đồng 0,20% là 5.137.000 đồng; giá trị của 2 chiếc khuyên tai kim loại màu vàng có tổng khối lượng 1,5 gam vàng, hàm lượng trung bình vàng: 45,33%; bạc: 12,96%; đồng: 40,00%, kẽm: 1,71% là 966.500 đồng; giá trị của 04 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, tổng khối lượng 15 gam vàng, hàm lượng vàng: 96,31%, bạc: 3,56%, đồng: 0,13% là 20.535.300 đồng. Tổng cộng là 79.771.800 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Phạm Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 03/3/2022 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Phạm Văn C về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay đại diện VKSND huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015 xử phạt Phạm Văn C từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo Phạm Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N , Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện N , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về định tội: Bị cáo Phạm Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa xác định: Khoảng 01 giờ ngày 30/12/2021,

Phạm Văn C có hành vi lén lút vào nhà ông Trần Văn Hùng, ở đội 1, Ngọc Lâm, Nghĩa Hải, N, Nam Định; dùng 1 con dao thái màu trắng cây kết sắt, lấy 15 chỉ vàng (gồm 1 nhẫn vàng mặt vuông 5 chỉ loại 24k, 1 dây chuyền vàng 5 chỉ loại 24k, 5 nhẫn vàng tròn trơn, mỗi nhẫn 1 chỉ loại 23k) và 2 chiếc khuyên tai vàng có tổng khối lượng 57,76 gam vàng trị giá 79.771.800 đồng. Giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt nhỏ hơn 50.000.000 đồng và dưới 200.000.000 đồng. Do đó bị cáo đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015.

Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử bị cáo với tội danh và điều luật như đã viện dẫn là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, đó là quyền bất khả xâm phạm được pháp luật quy định và bảo vệ trong bộ luật hình sự, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của khu dân cư. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn kỷ cương tăng C pháp chế xã hội chủ nghĩa và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 29/12/2017, bị Đoàn Công an Rạng Đông - Công an huyện N xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi: “Đánh bạc”.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 29/4/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 01 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” . Ngày 29/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt Phạm Văn C 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 05/5/2021, C chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 26/6/2020, C nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm bị cáo chưa được xoá án tích đến ngày 30/12/2021 lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo Phạm Văn C bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Phạm Văn C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Phạm Văn C được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, thấy cần phải cách ly để tập trung giáo dục, cải tạo bị cáo một thời gian nhất định mới có thể cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 BLHS quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy bị cáo làm nông nghiệp, không có thu nhập ổn định, đang ở cùng với gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với 01 nhẫn vàng, mặt vuông; 01 dây chuyền vàng; 05 nhẫn vàng, loại tròn trơn; 02 chiếc khuyên tai vàng; 1 hộp giấy màu đỏ, kích thước 4x4x2,5 cm và 01 con dao thái màu trắng dài 33 cm; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại ông Trần Văn Hùng là chủ sở hữu quản lý và sử dụng. Ông Hùng không có đề nghị thêm nên không đặt ra xem xét.

Ông Phạm Văn Quán, sinh năm 1975, ở xóm 6, Nam Điền, N, Nam Định là bố đẻ của Phạm Văn C đã bồi thường cho chị Vũ Thị Hiên số tiền 19.820.000 đồng. Chị Hiên không có đề nghị gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với Phạm Thị Cúc là người đi bán 4 chiếc nhẫn vàng cho Vũ Thị Hiên, chị Cúc và chị Hiên đều không biết đây là tài sản do C trộm cắp mà có nên không xử lý bằng pháp luật là phù hợp.

[7] Bị cáo Phạm Văn C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Căn cứ Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt Phạm Văn C 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2021.
3. Buộc bị cáo Phạm Văn C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Bị cáo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan thi hành án dân sự;
- Bị cáo;
- UBND xã Nghĩa Hải;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

(Đã ký)

Bùi Văn Biền